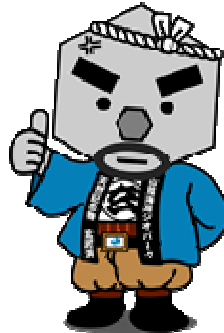


Tiếng Việt Nam

(ベトナム語)

Hướng dẫn về cuộc sống tại thành phố Toyooka

Toyooka
Xin kính chào!



Thành phố Toyooka



MỤC LỤC (もくじ)

Giới thiệu về Toyooka (豊

岡市について) _____ 1

Thủ tục lưu trú (在留の
てつづ
手続き) _____ 2

Nơi ở (住むところ)

Về vấn đề nhà ở (住宅について) _6

Nguồn nước, điện, ga

(水道・電気・ガス)

Nguồn nước máy, nước ngầm

(水道・下水道) _____ 8

Điện (電気) _____ 8

Ga (ガス) _____ 9

Rác (ごみ)

Cách vứt rác (ごみの出し方) _____ 10

Cách phân loại rác (ごみの分け方)
_____ 11

Rác thành phố không thu nhận (ご
みステーションに出してはいけな
いもの) _____ 13

Điều khiển xe ô tô (車の 運転)

Giấy phép lái xe (運転免許) _____ 14

Những điều cần đặc biệt chú ý (とく
に気をつけること) _____ 16

Kết hôn (結婚)

Điều cần biết khi kết hôn (結婚する
とき) _____ 17

Sinh con. Mang thai/ Sinh nở (子どもを産む 妊娠・出産)

Khi biết có thai (妊娠がわかつた
ら) _____ 18

Sau khi trẻ được sinh ra (子どもが
生まれたら) _____ 21

Quốc tịch của trẻ (子どもの
国籍) _____ 22

Nuôi dạy con (子どもを 育てる)

Sức khỏe của trẻ (子どもの健康) _23

Tổ chức hỗ trợ nuôi dạy trẻ/ Tư vấn
nuôi dạy trẻ tại nhà (子育てを支える
しくみ) _____ 24

Trung tâm Hỗ trợ trẻ em (こども支援
センター) _____ 26

Trung tâm giáo dục trẻ em (子育て
センター) _____ 27

Trung tâm hỗ trợ gia đình (豊岡市
ファミリーサポートセンター)・

Quầy tư vấn mọi vấn đề về nuôi dạy
trẻ (子育てなんでも相談窓口) _____ 28

Trường học/ Địa điểm

trông giữ trẻ (子どもの

ほいくしょ がっこう
保育所・学校)

Trường mẫu giáo, nhà trẻ, các nhà
trẻ được công nhận (幼稚園・保育園
・認定こども園)_____29

Trường tiểu học, trường trung học
(小学校・中学校)_____30

Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học
(放課後児童クラブ)_____31

Bệnh tật/ Bị thương

びょうき
(病気・けが)

Đi viện (病院に行く)_____32

Chế độ bảo hiểm y tế (医療保険
制度)_____35

Tiền thuế, tiền lương hưu

ぜいきん ねんきん
(税金・年金)

Tiền thuế (税金)_____37

Tiền lương hưu (年金)_____39

Hỏa hoạn・Sự cố・Tai nạn

かじ じけん じこ
(火事・事件・事故)_____41

Khi xảy ra hỏa hoạn (火事が
起きたとき)_____42

Phòng chống thiên tai

ぼうさい
(防災)_____43

Tiếng Nhật trong trường

hợp khẩn cấp (緊急時の

にほんご
日本語)_____45

Địa điểm trao đổi, tư vấn

そうだん
(相談をするところ)_____46

Lớp học tiếng Nhật (日本語

きょうしつ
教室)・Các buổi xã luận

giao lưu trao đổi văn hóa

たぶんかこうりゅう
(多文化交流サロン)_____49

Thành phố Toyooka với biểu tượng là loài chim Kounotori



Xin kính chào!

Chương về thành phố Toyooka
(Biểu tượng của thành phố)

Giới thiệu về thành phố Toyooka (とよおかし 豊岡市について)

Tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2005, thành phố Toyooka là một thành phố trực thuộc tỉnh Hyogo bao gồm 1 thành phố và 5 thị trấn (Toyokashi, Kinosakichou, Takenochou, Hitakachou, Izushichou, Tantouchou). Toyooka có dân số trung bình khoảng 77,000 người và có diện tích rộng nhất tỉnh Hyogo là 697.55 km².

Toyooka là nơi phát triển các ngành du lịch, nông lâm thủy sản. Hàng năm có khoảng hơn 3 triệu lượt khách du lịch đến thăm các địa điểm của thành phố như suối nước nóng Kinosaki, khu cao nguyên trượt tuyết Kannabe, khu thành trì Izushi... Thêm vào đó, nơi đây nổi tiếng với ngành chăn nuôi bò mang thương hiệu Bò Tajima, cua biển Matsubagani hảo hạng và một số ngành sản xuất gốm sứ, túi xách...

Về thủ tục lưu trú (在留^{ざいりゅう}の手続き^{てつづ})

Khi đến Nhật Bản sinh sống thì tùy theo mục đích đến Nhật của bạn mà tư cách lưu trú và thời hạn lưu trú được quyết định khác nhau. Do vậy hãy xác nhận lại thông tin về tư cách lưu trú và thời hạn lưu trú được ghi trong hộ chiếu.

Khi đến Nhật Bản lần đầu tiên, bạn sẽ phải làm thủ tục chuyển đến tại văn phòng hành chính thành phố trong vòng 14 ngày sau khi đến nơi bạn ở. Giấy tờ bạn cần mang theo là “**Thẻ lưu trú**”. Người chưa có “Thẻ lưu trú” thì sẽ phải mang theo hộ chiếu có ghi thông tin **ngày sau này sẽ được cấp thẻ lưu trú**.

■Thẻ lưu trú (在留^{ざいりゅう}カード^{かーど})

Luôn luôn đem theo thẻ lưu trú bên người.

■Chế độ đăng ký lưu trú cơ bản dành cho người nước ngoài (外国人^{がいこくじん}住民^{じゅうみん}の住民^{じゅうみん}基本^{きほん}台帳^{だいちょう}制度^{せいど})

Phiếu lưu trú được tạo ra dành cho cả người bản địa và người nước ngoài và có thể làm thủ tục này một cách đơn giản tại văn phòng hành chính thành phố. Phiếu lưu trú được làm cho những người nước ngoài sống tại Nhật Bản thời gian hơn 3 tháng.

■Những thủ tục tại văn phòng hành chính quận, thành phố (市役所^{しやくしょ}での手続き^{てつづ})

Khi nào	Thời hạn	Vật cần thiết	Làm gì
Người đã lưu trú tại Nhật một thời gian	Trong vòng 14 ngày từ khi có nơi ở	• Thẻ lưu trú	Thông báo về nơi ở của bạn
Đã chuyển chỗ		• Thẻ lưu trú • Giấy xác nhận chuyển chỗ	Xuất trình đơn chuyển đến, đơn chuyển đi

■ Thay đổi tư cách lưu trú (在留資格の変更)

Khi thay đổi công việc hoặc bắt đầu tìm việc làm mới, để thay đổi tư cách lưu trú thì xin vui lòng nộp "Đơn xin thay đổi tư cách lưu trú" tại văn phòng hành chính quản lý nhập cảnh của địa phương.

■ Đổi mới thời hạn lưu trú (在留期間の更新)

Khi muốn kéo dài thời hạn lưu trú thì hãy làm thủ tục xin Gia hạn thời gian lưu trú. Có thể nộp đơn trước ngày hết hạn thời gian lưu trú.

■ Kéo dài thời gian sử dụng của thẻ mã số cá nhân (Thẻ lưu trú – giống như thẻ căn cước công dân có gắn chip)

Bạn có thể sử dụng thẻ mã số cá nhân cho đến khi kết thúc thời gian lưu trú ghi trong thẻ từ thời điểm bạn đăng ký làm thẻ.

Trong giai đoạn đang xin gia hạn lưu trú, bạn có thể làm thủ tục kéo dài thời hạn sử dụng thẻ mã số nhân này tại văn phòng chính thành phố. Nếu không làm thủ tục thì thẻ không thể sử dụng được. Vì vậy, trong thời hạn thẻ còn sử dụng được hãy đến văn phòng hành chính thành phố để làm thủ tục.

Trường hợp thẻ không thể sử dụng được thì phải làm thẻ mới và phải mất phí.

■ Làm thủ tục tại cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương

(地方入国管理官署での手続き)

Khi nào	Thời hạn	Vật cần thiết	Làm gì
Khi thay đổi tên, ngày tháng năm sinh, giới tính (nam/nữ), quốc tịch (đất nước), địa chỉ	Trong vòng 14 ngày sau khi đăng ký thay đổi.	• Tài liệu chứng minh đã có thay đổi • Thẻ lưu trú • Ảnh • Hộ chiếu	Làm đơn thay đổi tại Cục xuất nhập cảnh khu vực.
Khi thay đổi công việc, trường học, khi kết hôn hay ly hôn.		• Thẻ lưu trú	

Khi thẻ cư trú bị mất, rách bản hay bị hỏng.	Trong vòng 14 ngày từ ngày xảy ra sự việc.	• Tư liệu chứng minh việc đánh mất thẻ • Hộ chiếu • Ảnh	Nhận lại thẻ được làm lại tại Cục quản lý xuất nhập cảnh khu vực
Khi thay đổi kỳ hạn thẻ cư trú	Đến ngày hữu hạn trên thẻ cư trú	• Thẻ lưu trú • Hộ chiếu • Ảnh	Làm thủ tục đổi mới tại văn phòng Cục quản lý xuất nhập cảnh khu vực

■ Giấy phép hoạt động lao động bên ngoài (資格外活動許可)

Đối với những người làm việc hoặc làm thêm nhưng không có giấy phép lao động mà muốn nhận tiền lương thì cần có giấy phép hoạt động lao động bên ngoài do văn phòng hành chính Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương cấp.

■ Được nhận tư cách lưu trú (在留資格の取得)

Đối với trẻ em được sinh ra hoặc sống tại Nhật Bản mà chưa có quốc tịch thì trong vòng 30 ngày sau khi được sinh ra, cha mẹ cần phải nộp đơn lên phòng hộ tịch thuộc cơ quan quản lý nhập cảnh địa phương và làm thủ tục xin nhận tư cách lưu trú. Trong trường hợp nếu trẻ sẽ xuất ngoại (về nước) trong vòng 60 ngày sau khi được sinh ra thì không cần làm thủ tục trên.

■ Giấy phép tái nhập cảnh (再入国許可)

Khi bạn rời khỏi Nhật Bản hay đi du lịch nước ngoài trong một khoảng thời gian thì cần phải xuất trình thẻ lưu trú và làm thủ tục tái nhập cảnh. Trong thời gian một năm nếu quay trở lại Nhật Bản một lần thì không cần phải làm thủ tục tái nhập cảnh.

※Nếu bạn muốn biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương.

■Cục quản lý nhập cảnh khu vực ちほうにゅうこくかんりきょく (地方入国管理局)

Tên	Số bưu điện	Địa chỉ. Số ĐT	Thời gian mở cửa
Cục quản lý nhập cảnh Osaka	559-0034	Osakafu Osakashi Sumino Eku Nankoukita 1-29-53 ☎ 0570-064259 IP nước ngoài: 06-4703-2050	Từ thứ 2~thứ 6 9:00~16:00
Chi cục Kobe	650-0024	Hygoken Kobeshi chuouku Kaigandoori 29-Kobechihou Godochousha ☎078-391-6377	
Chi nhánh Cảng Himeji	672-8063	Hygoken Himejishi Shikamaku Suka 294-1 Himeji Kowan Godochousha ☎079-235-4688	Từ thứ 2~thứ 6 9:00~12:00 13:00~16:00
Chi nhánh Cảng Maizuru	624-0946	Kyotofu Maidurushi Jishimo Fukui 901 Maizuru Kowan Godochousha ☎0773-75-1149	

■Trung tâm tổng hợp thông tin về lưu trú của người nước ngoài

がいこくじんざいりゅうそうごう いんふおめーしょんせんたー
(外国人在留総合インフォメーションセンター)

	Thời gian	Ngôn ngữ sử dụng
Cục quản lý nhập cảnh Osaka chi cục Kobe Hygoken Kobeshi chuouku Kaigandoori 29 Kobechihou Godochousha ☎0570-013904 (IP từ nước ngoài: 03-5796-7112)	Thứ 2~Thứ 6 8:30~17:15	Tiếng Anh, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Hàn Quốc...

Nơi sinh sống (住むところ)^す

Về nhà ở (住宅について)^{じゅうたく}

Người thuê có thể thuê được nhà ở trong khu vực với mức tiền nhà thấp. Về vấn đề nhà ở có các tiêu chuẩn và quy định riêng. Thông tin cụ thể xin vui lòng liên hệ Phòng xây dựng nhà ở tại Văn phòng hành chính địa phương.

■Các khu kinh doanh nhà ở trong tỉnh (Cung cấp nhà ở cho khu vực tỉnh Hyogo) (県営住宅)^{けんえいじゅうたく}

Tên	Địa điểm
Toyooka Ipponmatsu	Shouzakai
Toyooka Takaya	Takaya
Toyooka Imamori	Imamori
Hidaka Kokufu	Hidaka-cho Ageshi
Izushi Muromidai	Izushi-cho Hosomi

■Các khu kinh doanh nhà ở trong thành phố (Cung cấp nhà ở cho khu vực thành phố Toyooka) (市営住宅)^{しえいじゅうたく}

Tên	Địa điểm	Tên	Địa điểm
Imamori	Emoto	Tsuruoka higashi	Hidaka-cho Tsuruoka
Sakaemachi	Sakaemachi	Tsuruoka	Hidaka-cho Tsuruoka
Shiotsu	Shiotsu-cho	Seisyu	Hidaka-cho Dojo
Takaya	Takaya	Hokubu	Izushi-cho Teramachi
Motoyakushi 1	Kinosaki-cho Yushima	Hinobe	Izushi-cho Hinobe
Motoyakushi 2	Kinosaki-cho Yushima	Hukusumi	Izushi-cho Hukusumi

Uchijima	Kinosaki-cho Momoshima	Kajiya	Izushi-cho Kajiya
Musubu 2	Kinosaki-cho Musubu	Torii	Izushi-cho Torii
Uyama	Kinosaki-cho Uyama	Deai	Tanto-cho Deai
Uyama 2	Kinosaki-cho Uyama	Hatayama	Tanto-cho Hatayama
Maruyama	Kinosaki-cho Kuruhi	Yane	Tanto-cho Yane
Kusakai Terasu	Takeno-cho Kusakai	Kubata Ninomiya	Tanto-cho Kubata
Morimoto	Takeno-cho Morimoto	Takayama Mukomachi	Tanto-cho Takayama
Todoroki	Takeno-cho Todoroki	Akano	Tanto-cho Nakayama
Kaminogou	Hidaka-cho Kaminogou	Nyuno	Tanto-cho Nakayama
Dojo	Hidaka-cho Dojo	Odani	Tantochou Odani

Tư vấn

Phòng xây dựng nhà ở けんちくじゅうたく か(建築住宅課) ☎0796-21-9018

Nguồn nước. Điện. Ga (水道・電気・ガス)

Nguồn nước. Nguồn nước ngầm (水道・下水道)

Nguồn nước máy trong thành phố có thể uống được.

■ Khi bắt đầu sử dụng nguồn nước. Khi dừng sử dụng nguồn nước

(使い始めるとき、使うのをやめるとき)

Khi chuyển chỗ ở mới nếu bắt đầu sử dụng nước hoặc dừng sử dụng nước thì hãy liên lạc với Trung tâm chăm sóc khách hàng của nhà máy nước thành phố Toyooka.

■ Mức phí (料金)

Mức sử dụng và tiền phí hàng tháng đều sẽ được gửi thông báo tới tận nhà. Hãy thanh toán tại ngân hàng, bưu điện, cửa hàng Combini hoặc văn phòng hành chính quận, thành phố.

Bạn có thể tải App trên điện thoại thông minh để thực hiện thanh toán hoặc chuyển khoản ngân hàng. Chuyển khoản sẽ được thực hiện tự động, hàng tháng số tiền phải thanh toán sẽ được ngân hàng tự động trừ từ tài khoản của bạn.

Tư vấn:

Trung tâm chăm sóc khách hàng – Công ty cấp nước Toyooka

(豊岡市水道お客様センター)

Toyookashi Kamisano 1788-3 ☎0796-22-5378

Điện (電気)

Điện áp dòng điện là 100V, tần số 60 Hertz. Khi sử dụng điện quá tải thì cầu dao sẽ tự ngắt. Trong trường hợp này, hãy rút phích cắm của thiết bị điện đang sử dụng ra khỏi ổ cắm và mở cầu dao.

■ Khi bắt đầu sử dụng. Khi dừng sử dụng

(使い始めるとき、使うのをやめるとき)

Khi bắt đầu sử dụng hoặc khi dừng sử dụng nguồn điện thì hãy liên lạc với Phòng kinh doanh của các công ty điện hoặc có thể làm thủ tục qua Internet.

■Cước phí (料金)^{りょうきん}

Mức cước phí sử dụng sẽ thanh toán hàng tháng. Có thể thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng hoặc thanh toán trực tiếp tại cửa hàng Combini. Hoặc tải App trên điện thoại để thanh toán.

Tư vấn

Liên hệ các công ty điện lực

Ga (ガス)^{がす}

Về việc sử dụng ga thì tùy theo các thành thị khác nhau mà sẽ sử dụng ga hay propan. Do vậy trước khi sử dụng xin vui lòng kiểm tra trước.

■Khi bắt đầu sử dụng. Khi dừng sử dụng

(使い始めるとき、使うのをやめるとき)^{つか はじ}

Khi bắt đầu sử dụng ga hãy liên lạc với cửa hàng cung cấp ga theo số điện thoại ghi trên công tơ. Nhân viên sẽ mở van bình ga và đặt bình ga tại vị trí an toàn cho bạn. Khi dừng sử dụng hãy liên lạc tới cùng cửa hàng cung cấp.

■Cước phí (料金)^{りょうきん}

Cũng giống như cước phí điện và nước, phí ga có thể thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng hoặc thanh toán trực tiếp tại ngân hàng, cửa hàng Combini...

■Khi phát hiện rò rỉ ga (ガス漏れに気付いたら)^{がす も ぎづ}

Khi phát hiện rò rỉ khí ga thì hãy khóa nút van, mở tất cả các cửa và cửa sổ. Khi gặp lửa hay khi bật công tắc các thiết bị điện thì khí ga rò rỉ có thể bùng phát lửa. Trường hợp này rất nguy hiểm do vậy hãy ngay lập tức liên lạc với cửa hàng cung cấp ga để xử lý.

Liên hệ

Các công ty cung cấp ga

Rác (ごみ)

Cách vứt rác (ごみの^だ_{かた}出し方)

Đối với việc vứt rác thì hãy tuân thủ theo quy định về: **Ngày vứt. Loại rác vứt.**

Nơi vứt và Vứt như thế nào? và thời gian vứt vào **trước 8 giờ sáng.**

Hãy xem thông tin cụ thể trên lịch vứt rác của địa phương nơi bạn đang sống.

Hãy bỏ rác vào: ※ Các loại túi được chỉ định bỏ rác của thành phố hoặc

※ Dán lên túi đựng rác đúng nhãn dán (tem giấy) theo chỉ định của thành phố.

※ Hãy mua các loại túi đựng rác, nhãn dán được chỉ định đựng rác theo quy định của thành phố ở các siêu thị hoặc các trung tâm mua sắm.



Túi rác cháy được
(Màu đỏ)

Túi rác không cháy được
(Màu đen)

Túi rác tái chế
(Màu xanh lá cây)

Nhãn dán

Túi đựng rác có kích thước khác nhau nên lượng rác chứa được cũng khác nhau:

Kích thước túi rác cháy được: Lớn (45 lít) - Trung (30 lít) - Nhỏ (20 lít)

Kích thước túi rác không cháy được: Lớn (45 lít) - Trung (30 lít) - Nhỏ (20 lít)

Kích thước túi rác tái chế: Lớn (45 lít) - Trung (30 lít)

※ Túi rác tái chế được dùng cho các loại sau: ① Chai, lon ② Chai nhựa

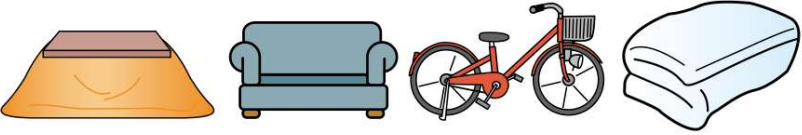
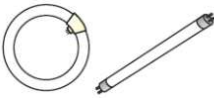
③ Hộp và bao bì bằng giấy ④ Hộp và bao bì bằng nhựa

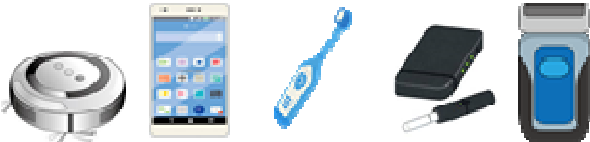
Hãy phân loại từng loại ①～④ riêng rồi hãy cho vào túi.

Nhãn dán thì có 5 miếng trên 1 tờ

※ Đối với nhãn dán thì được dùng cho các loại rác to, công kênh không thể cho vào túi đựng rác được.

Cách phân biệt các loại rác (ごみの^わ分け方^{かた})

Rác cháy được (Cho vào túi đựng rác cháy được)	Rác nhà bếp (càng khô càng tốt), tã giấy (phân thì xả vào bồn cầu), giày dép, túi xách, túi hộp đựng thực phẩm (đã bẩn), gỗ, đồ chơi bằng nhựa, v.v.. 
Rác không cháy được (Cho vào túi đựng rác không cháy được)	Bát, đĩa, xoong chảo bằng kim loại, thủy tinh (nếu vỡ thì hãy gói lại bằng giấy báo), thiết bị điện nhỏ (máy sấy tóc, bóng điện...), đồ gia dụng nhỏ, đồ chơi bằng kim loại... 
Rác to, cồng kềnh không thể cho vào túi đựng rác theo quy định (Phải dán nhãn)	Đồ gia dụng, nệm sồi, ghế sofa, xe đạp, thảm/chăn (dùng dây bó lại) → Dán nhãn theo chỉ định → Đem vứt vào ngày vứt rác không cháy được (Không thể cho vào túi đựng rác) 
Ống/bóng đèn	Hãy cho vào hộp đựng khi mua hoặc dùng giấy báo gói lại → Đem vứt vào ngày vứt rác không cháy được (Không thể cho vào túi đựng rác quy định của thành phố) 
Các loại pin	Hãy cho vào túi nilon trong suốt → Đem vứt vào ngày vứt rác không cháy được (Không thể cho vào túi đựng rác quy định của thành phố) 

Các loại pin có thể sạc	Nếu pin có thể dễ dàng tháo ra được thì hãy tháo ra và cho vào túi nilon trong suốt. Trường hợp nếu không thể tháo pin ra được thì hãy để nguyên và cho vào túi trong suốt → Đem vứt vào ngày vứt rác không cháy được (Không thể cho vào túi đựng rác quy định của thành phố) 
Lon, chai (Cho vào túi đựng rác tái chế)	Các loại lon, chai đựng đồ ăn, nước uống (tháo nắp, súc rửa sạch bên trong), các loại bình xịt (dùng hết, đục lỗ)...vv 
Chai nhựa (Cho vào túi đựng rác tái chế)	Chai đựng nước uống, gia vị (tháo nắp, bỏ nhãn mác → rửa sạch → đem vứt ※Nắp và nhãn dán thì gói vào túi nhựa riêng 
Các loại hộp, túi, bao bì đựng đồ bằng giấy (Cho vào túi đựng rác tái chế)	Hộp giấy, giấy gói, túi giấy, cốc giấy...(nếu còn dính đồ ăn thì hãy rửa sạch sau đó hãy đem vứt thành rác tái chế. Trường hợp nếu không rửa sạch được thì hãy cho vào rác cháy được) 
Đồ đựng, bao bì, hộp bằng nhựa (Cho vào túi đựng rác tái chế)	Túi nilon, khay nhựa, khay trứng, khay xốp...(nếu còn dính đồ ăn thì hãy rửa sạch sau đó hãy đem vứt thành rác tái chế. Nếu không rửa sạch được thì hãy cho vào rác cháy được) 

Các loại rác không được vứt ở trạm thu rác

(ごみステーションに出してはいけないもの)

■**Máy tính:** Hãy liên lạc với hãng sản xuất hay nhà phân phối máy tính

■**Điều hòa, tivi, máy giặt, tủ lạnh:** Hãy liên lạc với cửa hàng nơi mua máy hoặc các cửa hàng, siêu thị bán đồ điện tử

■**Đồ vật gây nổ, đồ vật nguy hiểm, đồ dùng khó xử lý:**

Bình ga, thuốc nông nghiệp, các loại dầu nhớt, bánh xe, lốp xe, các bộ phận máy móc, dụng cụ nông nghiệp, xe đạp....Xin vui lòng liên lạc với xí nghiệp chuyên xử lý phế thải của thành phố hoặc liên lạc với cửa hàng đã mua để xử lý.

Thu gom rác tái chế (Thu gom phế liệu)

しげん しゅうだんかいしゅう はいひんかいしゅう
〔資源ごみ集団回収(廃品回収)〕

Tại các địa phương, các trường học luôn có hoạt động thu gom các loại **báo cũ, tạp chí, thùng giấy, lon, chai, lọ, trang phục cũ.....**Hoạt động trên nhằm giảm lượng rác thải ra, đồng thời có thể tái chế sử dụng lại các nguyên liệu này. Do vậy hãy cùng tích cực hưởng ứng hoạt động thu gom rác tái chế. Cụ thể cách thu gom như thế nào hãy liên lạc với địa phương nơi bạn sinh sống hoặc trường nơi bạn đang học.

Rác tại nơi làm việc. Rác phát sinh khi chuyển nhà

じぎょうしょ ひっこ
〔事業所ごみ・引越しのごみ〕

Thành phố sẽ không thu gom rác của các công ty (rác thải phát sinh từ công việc), hay rác phát sinh do chuyển chỗ ở. Do vậy hãy mang đến công ty môi trường xanh Kurinpaku Hokutan để xử lý hoặc tham khảo ý kiến của các xí nghiệp có giấy phép xử lý phế thải của thành phố.

Tư vấn

Phòng quản lý môi trường sống(せいかつかんきょうか 生活環境課)

☎ 0796 - 23-5304

Lái xe ô tô (くるま うんてん 車の運転)

Giấy phép lái xe (うんてんめんきょ 運転免許)

Khi điều khiển xe gắn máy, xe ô tô cần phải có giấy phép lái xe. Hơn nữa, khi điều khiển xe luôn phải mang theo giấy phép lái xe bên người. Các giấy phép lái xe được chấp nhận tại Nhật Bản bao gồm:

1. Giấy phép lái xe quốc tế
2. Giấy phép lái xe của các quốc gia sau: Đức, Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Đài Loan, Ý
3. Giấy phép lái xe của Nhật Bản

■Bằng lái xe quốc tế (こくさいうんてんめんきょしょう 国際運転免許証)

Đối với những người có bằng lái xe quốc tế thì có thể điều khiển xe ô tô tại Nhật Bản. Tuy nhiên, có thời gian hữu hạn. Với bằng lái xe quốc tế thì có thể lái xe tại Nhật ở hai dạng sau:

- Trong vòng 1 năm sau khi đến Nhật Bản
- Bằng lái xe quốc tế hữu hạn thời gian

■Bằng lái xe nước ngoài (がいこくうんてんめんきょしょう 外国運転免許証)

Nếu có bản dịch tiếng Nhật của giấy phép lái xe của các quốc gia như: Đức, Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Đài Loan, Ý thì bạn có thể lái xe. Chấp nhận các bản dịch do Cơ quan lãnh sự trong nước cấp bằng dịch, đại sứ quán tại Nhật Bản hoặc Liên đoàn ô tô Nhật Bản JAF dịch.

Thời hạn sử dụng bằng lái xe nước ngoài có các trường hợp sau:

- Trong vòng 1 năm kể từ ngày đến Nhật Bản.
- Bằng lái xe nước ngoài hữu hạn thời gian.

Khi điều khiển phương tiện cần phải mang theo Bằng lái xe ngoại quốc, Bản dịch bằng lái xe, Hộ chiếu.

■Chuyển bằng lái xe nước ngoài sang bằng lái xe Nhật Bản

がいこくうんてんめんきょしょう にほんめんきょしょう きか
(外国運転免許証から日本の免許証への切り替え)

Có thể chuyển bằng lái xe nước ngoài sang bằng lái xe Nhật Bản. Thủ tục được làm tại Trung tâm cấp bằng lái xe Akashi thuộc tỉnh Hyogo.

- Cần phải chứng minh đã sinh sống tại Nhật Bản nhiều hơn 3 tháng.
- Cần có bằng lái xe còn hạn sử dụng.
- Sẽ có bài kiểm tra thể lực, kiểm tra về luật lái xe, kiểm tra kỹ năng lái xe.
 - ※ Người không nói và viết được tiếng Nhật cần phải có người phiên dịch.
 - ※ Tùy theo từng quốc gia mà có các phần thi sẽ được miễn. Cụ thể xin vui lòng liên hệ Trung tâm cấp bằng lái xe.

ひょうごけんたじまうてんめんきょせんたー
兵庫県但馬運転免許センター

Trung tâm bằng lái xe Tajima Hyogoken ☎ (079) 662-1117

ひょうごけんあかしうてんめんきょこうしんせんたー
兵庫県明石運転免許更新センター

Trung tâm đổi mới bằng lái xe Akashi Hyogoken ☎ (078) 912-7061

Vật cần thiết

- Đơn đăng ký giấy phép lái xe (có tại trường thi)
- Ảnh (dọc 3× ngang 2,4cm)
- Thẻ thị dân có đăng ký quốc tịch nhận tại văn phòng hành chính quận, thành phố.
- Bằng lái xe nước ngoài (nếu không ghi ngày cấp thì cần có giấy tờ chứng minh ngày cấp kèm theo)
- Bản dịch tiếng Nhật giấy phép lái xe (bản dịch của cơ quan lãnh sự cấp bằng trong nước hoặc của đại sứ quán Nhật Bản hoặc của tổ chức JAF dịch thuật)
- Hộ chiếu. Bút viết (bút bi, bút chì, tẩy). Con dấu. Tiền mặt
- Bằng lái xe của Nhật (đối với những người đã có trước đây)

■Về việc nhận Bằng lái xe tại Nhật Bản (日本の運転免許を取得するには)

Để thi nhận được bằng lái xe tại Nhật Bản bạn phải đến trường học và tập luyện điều khiển xe ô tô. Việc này sẽ tốn thời gian và mất chi phí, do vậy để biết thêm thông tin cụ thể hãy liên lạc tới địa điểm dạy và tập huấn lái xe gần nơi bạn đang sinh sống.

Địa chỉ: Cơ sở dạy lái xe ô tô Toyooka (豊岡自動車教習所) 〒668-0815

Toyookashi Hinado 312 ☎0796-22-6321

Những điều đặc biệt cần lưu ý (とくに気をつけること)

- Điều khiển xe ô tô, xe đạp đi phía bên trái. Đối với người đi bộ nếu không có phần đường đi bộ riêng thì đi bên phải.
- Ở nơi đường giao nhau không có đèn giao thông thì hãy nhường đường cho người đi bộ và ô tô phải dừng lại.
- Không sử dụng điện thoại khi đang lái xe.
- Không được lái xe khi uống bia, rượu.
- Người lái xe và người ngồi cùng trên xe nhất định phải thắt dây an toàn.
- Trẻ em nhỏ hơn 6 tuổi khi ngồi xe phải cho ngồi ghế trẻ em có thắt dây an toàn.

Kết hôn (結婚^{けっこん})

Khi kết hôn (結婚^{けっこん}するとき)

Tại Nhật khi kết hôn cần phải nộp đơn đăng ký kết hôn tới văn phòng hành chính của quận, thành phố. Đối với trường hợp người nước ngoài khi kết hôn thì cần có giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để có thể kết hôn.

Vật cần thiết	Nơi nộp	Người nộp
- Đơn đăng ký kết hôn (Có tại văn phòng hành chính) - Hộ khẩu (người Nhật) - Bản dịch tiếng Nhật giấy tờ chứng minh đủ điều kiện kết hôn (người nước ngoài). - Hộ chiếu	Đăng ký tại nơi mà hai người đang sinh sống hoặc tại văn phòng hành chính nơi đăng ký hộ khẩu của người Nhật.	Hai người đăng ký kết hôn.

■Kết hôn với người Nhật Bản (日本人^{にほんじん}との結婚^{けっこん})

Trong trường hợp người Nhật kết hôn với người nước ngoài thì phải nộp đơn đăng ký kết hôn tại Nhật Bản. Sau đó, sẽ nộp thông báo nhận được tại nước của mình. Khi đó cần thiết phải có Giấy chứng nhận kết hôn. Tại Nhật Bản sau khi nộp đơn đăng ký kết hôn sẽ nhận được Giấy chứng nhận kết hôn. Hơn nữa, khi kết hôn với người Nhật thì tư cách lưu trú cũng sẽ thay đổi vì vậy hãy liên hệ trực tiếp tại bộ phận thẩm quyền của Cục nhập cảnh khu vực.

■Hai người nước ngoài cùng quốc tịch kết hôn (外国籍^{がいこくせき}同士^{どうし}の結婚^{けっこん})

Khi hai người nước ngoài cùng quốc tịch kết hôn tại Nhật Bản thì tùy theo từng nước mà thủ tục khác nhau. Để biết thông rõ thêm thông tin chi tiết xin vui lòng xác minh tại Đại sứ quán tại Nhật hoặc lãnh sự quán.

<Tư vấn>

Tại quầy phòng dịch vụ (窓口サービス課) ☎ 0796-21-9015

Sinh con (Mang thai/Sinh con)

こ う にんしん しゅっさん
(子どもを産む 妊娠・出産)

Nếu nhận biết mình đã mang thai (妊娠がわかったら)

■Cấp sổ theo dõi sức khỏe mẹ và con (母子健康手帳交付)

Khi biết mình mang thai, hãy đến bệnh viện để nhận giấy đăng ký mang thai. Hãy mang theo giấy này tới địa chỉ được ghi phía dưới đây để nhận sổ theo dõi mẹ và con. Sổ theo dõi mẹ và con rất cần thiết khi khám sức khỏe và khi tiêm chủng phòng bệnh.



Trang chủ
Toyookashi

Để nhận được Sổ tay theo dõi sức khỏe mẹ và con phải đặt trước. Vui lòng đăng ký đặt trước tại trang web của thành phố hoặc liên hệ Phòng **Tương lai trẻ em** của thành phố Toyooka. Ngoài ra còn có cả sổ theo dõi sức khỏe mẹ và con bằng tiếng nước ngoài. Nếu không có tiền để đi bệnh viện, hãy liên hệ với Phòng Tương Lai Trẻ Em.

	Ở đâu	Khi nào	Cần làm gì
Cấp sổ theo dõi sức khỏe mẹ và con (Trao đổi với các bà mẹ có kinh nghiệm)	Trung tâm bảo hiểm Toyooka (Tòa nhà hành chính Tachino Hoặc Văn phòng hành chính)	Tổ chức vào các ngày định sẵn (2 lần/ tháng) (Thông báo được đăng trên trang chủ website của thành phố và trên bảng thông báo thông tin của thành phố) (Cần phải đăng ký trước)	* Nhận sổ theo dõi mẹ và con. * Làm thủ tục đăng ký nhận hỗ trợ từ thời điểm mang thai đến khi sau khi sinh như: (khám nha khoa cho thai phụ, khám thai, kiểm tra sức khỏe thai phụ, kiểm tra thính giác của trẻ sau sinh, kiểm tra sức khỏe dành cho trẻ 1 tháng tuổi) *Làm thủ tục nhận tiền trợ cấp hỗ trợ thai sản.
	Cục xúc tiến tại Kinosaki. Takeno. Hidaka.Izushi.Tanto	Vào các ngày làm việc của trạm y tế công cộng. (Phải đăng ký trước) -Kinosaki: Thứ 3 tuần thứ 1 và 3 của tháng. -Takeno: Thứ 3 tuần thứ 2 và 4 của tháng. -Hidaka: Thứ 5 tuần thứ 1 và 3 của tháng. -Izushi: Thứ 5 tuần thứ 2 và 4 của tháng. -Tanto: Thứ 5 tuần thứ 1 và 3 của tháng.	

※ Trường hợp nếu không thuận tiện thì hãy gọi điện hỏi chúng tôi.

■Sổ theo dõi mẹ và con bằng tiếng nước ngoài có các ngôn ngữ được ghi dưới đây:

Tiếng Anh, Bồ Đào Nha, Trung Quốc, Thái, Indonesia, Tây Ban Nha, Việt Nam, tiếng Nepal

■ Chế độ hỗ trợ thai sản được nhận (妊婦支援給付金 にんぶしえんきゅうふきん)

Sau khi sinh con bạn sẽ được nhận (50000 yên) tiền trợ cấp thai sản. Cách làm thủ tục nhận tiền sẽ được hướng dẫn cụ thể khi bạn nhận sổ tay mẹ và con.

Tư vấn

Phòng Tương lai trẻ em (こども未来課 みらいか)

☎0796-24-9604

■ Nhận tiền bảo hiểm khi sinh con (出産育児一時金 しゅつさんいくじいちきん)

Đối với những người tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân và bảo hiểm y tế khi sinh con sẽ nhận được tiền bảo hiểm sinh và nuôi con. Số tiền chính thức là 500,000 yên. Bạn có thể nhận trực tiếp số tiền này và nhận trực tiếp tại bệnh viện. Thủ tục thanh toán được thực hiện tại bệnh viện nơi bạn sinh con.

■ Chế độ giảm thuế (phí) bảo hiểm trước và sau sinh của Bảo hiểm sức khỏe toàn dân và Bảo hiểm y tế (国民健康保険・健康保険の産前産後保険税 こくみんけんこうほけん けんこうほけん さんぜんさんごほけんぜい (料) 減額制度 りょう げんがくせいど)

Phí bảo hiểm trong giai đoạn trước và sau sinh của thai phụ sẽ được giảm ít đi. Để nhận chế độ thì cần thiết phải làm thủ tục đăng ký. Đối với bảo hiểm sức khỏe quốc dân thì làm thủ tục tại văn phòng hành chính thành phố, đối với bảo hiểm y tế thì làm thủ tục tại văn phòng nơi làm việc.

Tư vấn

Đối với người tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân – Liên hệ Phòng bảo hiểm y tế quốc dân hoặc Phòng Hưu trí(国保・年金課) ☎0796-21-9061

Đối với người tham gia bảo hiểm sức khỏe y tế – Liên hệ tại văn phòng nơi làm việc hoặc nơi đã đăng kí bảo hiểm y tế.

■ **Chế độ miễn giảm phí bảo hiểm cho thời gian trước và sau khi sinh con áp dụng cho Bảo hiểm Hưu trí Quốc dân và Bảo hiểm Hưu trí Phúc lợi.**
(国民年金・厚生年金保険の産前産後期間の保険料免除制度)

Khi người đang tham gia Bảo hiểm Hưu trí Quốc dân hoặc Bảo hiểm Hưu trí Phúc lợi sinh con, khoảng thời gian trước và sau khi sinh (thai sản) sẽ được miễn đóng phí bảo hiểm (tức là không cần phải đóng). Để được hưởng chế độ này, bạn cần phải thực hiện thủ tục đăng ký. Nếu thuộc đối tượng tham gia Bảo hiểm Hưu trí Quốc dân, bạn hãy đến Văn phòng Tòa thị chính để làm thủ tục. Nếu thuộc đối tượng tham gia Bảo hiểm Hưu trí Phúc lợi, bạn hãy làm thủ tục tại nơi làm việc (công ty) của mình.

<Nơi liên hệ>

Người tham gia Bảo hiểm Hưu trí Quốc dân: Liên hệ Phòng Bảo hiểm Quốc dân và Hưu trí (国保・年金課) – Số điện thoại: 0796-21-9061.

Người tham gia Bảo hiểm Hưu trí Phúc lợi: Liên hệ nơi làm việc (công ty).

Trường hợp sinh con (子どもが生まれたら)

Nếu trẻ em được sinh ra tại Nhật Bản thì dù bố và mẹ là người nước ngoài thì vẫn phải Đăng ký khai sinh. Trường hợp trẻ không có quốc tịch Nhật Bản thì nhất thiết phải nộp đơn xin cấp tư cách lưu trú.

■ Đăng ký khai sinh (出生届)

Khi trẻ được sinh ra tại Nhật Bản, trong vòng 14 ngày kể từ ngày sinh, bạn phải nộp giấy khai sinh tại tòa thị chính hoặc văn phòng hành chính gần nhất. Trẻ em có quốc tịch nước ngoài cũng cần phải nộp. Đến lúc đó hãy quyết định họ tên cho trẻ và chuẩn bị những giấy tờ cần thiết.

Hơn nữa, nếu trẻ được sinh ra tại Nhật Bản thì cha mẹ của trẻ cũng phải nộp thông báo nhận được tại Nhật về đất nước của mình. Thủ tục cụ thể xin hãy xác nhận lại chi tiết tại đại sứ quán Nhật Bản hay lãnh sự quán.

Vật cần thiết	Khi nào	Ở đâu	Ai
· Giấy đăng ký khai sinh · Sổ sức khỏe mẹ & bé · Giấy khai sinh	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày sinh	Cục xúc tiến hoặc Văn phòng hành chính quận	Bố hoặc mẹ

<Thông tin tư vấn>

Tại quầy Phòng dịch vụ (窓口サービス課) ☎0796-21-9015

■Trợ cấp hỗ trợ nuôi dạy con cái

Trẻ nhỏ sau khi được sinh ra sẽ được nhận (tiền trợ cấp hỗ trợ nuôi dạy) tương ứng là (50000 yên/trẻ). Thủ tục nhận tiền sẽ được nhân viên bảo hiểm hướng dẫn cụ thể khi đến nhà của bạn để kiểm tra tình trạng của con bạn.

<Thông tin tư vấn>

Phòng Tương lai trẻ em (こども^{みらい}未来課) ☎0796-24-9604

Quốc tịch của trẻ (子どもの^こ国籍^{こくせき})

■Quốc tịch Nhật Bản theo bố hoặc mẹ (両親^{りょうしん}のどちらかが日本国籍^{にほんこくせき})

Nếu một trong hai người bố hoặc mẹ của trẻ mang quốc tịch Nhật Bản thì trẻ sinh ra cũng có thể mang quốc tịch Nhật Bản. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp hai người không kết hôn và người cha mang quốc tịch Nhật Bản không nhận con thì trẻ không thể nhập quốc tịch Nhật Bản. Nếu một phía cha hoặc mẹ có quốc tịch nước ngoài thì xin vui lòng xác nhận thông tin tại đại sứ quán hoặc lãnh sự quán.

■Cả bố và mẹ đều mang quốc tịch nước ngoài (両親^{りょうしん}がともに外国籍^{がいこくせき})

Trường hợp cả bố và mẹ đều mang quốc tịch nước ngoài thì dù trẻ được sinh ra tại Nhật Bản cũng không thể nhập quốc tịch Nhật Bản.

■Tuyển chọn quốc tịch(国籍選択(国籍を選ぶ))

Theo luật pháp của Nhật Bản, trẻ em sinh ra ở Nhật không thể cùng lúc mang hai quốc tịch Nhật Bản và quốc tịch nước ngoài (theo cha hoặc mẹ). Vì vậy, đến trước khi 20 tuổi thì cần phải chọn một quốc tịch cho con.

※ Nếu trường hợp trẻ được sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch khác với quốc tịch Nhật Bản, khi nộp đơn xin khai sinh thì sẽ nhận được giấy Bảo lưu quốc tịch.

Số ĐT tư vấn

Tại quầy Phòng dịch vụ (窓口サービス課) ☎0796-21-9015

Nuôi dạy trẻ (子どもを育てる)

Sức khỏe trẻ em (子どもの健康)

■Kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh (乳幼児健診)

Vào các giai đoạn 1 tháng tuổi (1カ月), 4 tháng tuổi, 7 tháng tuổi, 1 tuổi 6 tháng, 3 tuổi 6 tháng của trẻ sẽ có các kỳ kiểm tra sức khỏe (kiểm tra sức khỏe định kỳ). Kiểm tra chẩn đoán sức khỏe cho trẻ nhằm đánh giá sự phát triển về tư duy và thể chất của trẻ thông qua việc đo các chỉ số về chiều cao, cân nặng và thể chất. Hơn nữa, cha mẹ còn được tham gia trao đổi về cách nuôi dạy, ăn uống và sức khỏe răng miệng của trẻ..vv..

■Tiêm chủng (予防接種)

Tiêm chủng (tiêm phòng bệnh) gồm hai loại:

- Tiêm chủng định kỳ: Trẻ em đúng và đủ năm, tháng, tuổi sẽ được tiêm chủng miễn phí.
- Tiêm chủng tùy chọn: Dành cho những người có nhu cầu tiêm riêng. Người có nguyện vọng tiêm chủng tùy chọn xin hãy liên hệ với các bác sỹ tại bệnh viện. Người tiêm chủng tự chọn tự chi trả phí tiêm chủng.

※ Đăng ký tiêm chủng tại thị trấn hoặc quận, thành phố nơi bạn đăng ký thẻ thị dân. Hãy đăng ký trước tại cơ quan bệnh viện hỗ trợ tiêm chủng dự phòng.

Số ĐT tư vấn

Phòng Tương lai trẻ em (こども^{みらい}未来課)

☎0796-24-9604

Hoạt động hỗ trợ nuôi dạy trẻ (子育て^{こそだ}を支える^{ささ}しくみ)

■Chế độ trợ cấp chi phí y tế cho trẻ sơ sinh (乳幼児^{にゅうようじ}医療費^{いりょうひ}助成^{じょせい}制度^{せいど})

Chi phí điều trị y tế cho trẻ từ khi sinh ra đến năm thứ 3 tiểu học (tức là số tiền mình phải tự chi trả) là hoàn toàn miễn phí.

■Chế độ trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em (こども^{こども}医療費^{いりょうひ}助成^{じょせい}制度^{せいど})

Chi phí điều trị y tế cho trẻ em từ học sinh tiểu học năm thứ 4 đến trung học năm thứ 3 (tức là số tiền mình phải chi trả) sẽ như bảng dưới đây:

Khi đi khám ở bệnh viện	Chi phí tự thanh toán	
Khám ngoại trú	Khu vực I (※ 1)	Miễn phí
	Khu vực II (※ 2)	Bệnh nhân chỉ phải trả 20% chi phí y tế phát sinh, nhưng mức đóng góp tối đa cho mỗi cơ sở khám chữa bệnh là 300 yên/tháng.
Nhập viện	Miễn phí	

※ 1 Cha mẹ của người được bảo hộ có tổng số tiền thuế thu nhập cư dân (thuế thị dân) dưới 120,000 yên.

※ 2 Cha mẹ của người được bảo hộ có tổng số tiền thuế thu nhập cư dân (thuế thị dân) từ 120,000 yên trở lên và dưới 235,000 yên.

■Trợ cấp nuôi con (児童手当 じどうてあて)

Trẻ em từ sơ sinh đến độ tuổi học sinh cấp ba (cho đến ngày 31 tháng 3 sau sinh nhật 18 tuổi) sẽ nhận được tiền trợ cấp nuôi con. Bạn cần phải đăng ký để nhận trợ cấp tại cửa tiếp nhận hồ sơ của phòng thị dân, phòng bảo hiểm y tế quốc dân, phòng hưu trí hoặc phòng hỗ trợ phát triển thị dân của thành phố.

■Tiền nhận (số tiền nhận 1 tháng) (支給額 (1ヵ月にもらえるお金) じゅぎゅうがく かげつ かね)

	Con thứ 1	Con thứ 2	Con thứ 3
Nhỏ hơn 3 tuổi	15,000 yên	15,000 yên	30,000 yên
Từ 3 tuổi đến độ tuổi học sinh cấp 3	10,000 yên	10,000 yên	30,000 yên

■Thời điểm nhận tiền- khi nào có thể nhận được tiền? (支払い時期 (いつもらえるか) しはら じ き)

Cứ 2 tháng một lần, tiền sẽ được chuyển khoản vào tài khoản được chỉ định (tài khoản ngân hàng hoặc bưu điện)

Ngày chi trả	Khoản trợ cấp
Ngày 15 tháng 4	Tiền của tháng 2.3
Ngày 15 tháng 6	Tiền của tháng 4.5
Ngày 15 tháng 8	Tiền của tháng 6.7
Ngày 15 tháng 10	Tiền của tháng 8.9
Ngày 15 tháng 12	Tiền của tháng 10.11
Ngày 15 tháng 2	Tiền của tháng 12.1

※ Nếu ngày 15 trùng vào ngày nghỉ, trợ cấp sẽ được chuyển vào ngày làm việc ngay trước đó.

■Tờ khai hiện trạng (chỉ dành cho những người thuộc diện phải khai)

げんきょうとどけ
(現況届)

Vào tháng 6 hàng năm, giấy tờ khai hiện trạng sẽ được gửi đến. Vui lòng nộp tờ khai này đúng hạn. Nếu không nộp, bạn sẽ không thể nhận được trợ cấp từ tháng 6 trở đi.

Số ĐT tư vấn

Phòng bảo hiểm quốc dân/ Phòng hưu trí (国保・年金課)

☎0796-21-9061

Trung tâm hỗ trợ trẻ em (こども支援センター)

Bạn có thể gọi điện trực tiếp đến trung tâm để trao đổi các vấn đề liên quan đến trẻ em. Hoặc có thể gọi điện đặt trước và đến trực tiếp để trao đổi tại trung tâm. Các nhà tâm lý học lâm sàng và các nhân viên tư vấn gia đình sẽ cùng với các bậc phụ huynh thảo luận suy tính giải quyết từng vấn đề mà bạn gặp phải.

- Trao đổi, tư vấn về vấn đề trẻ từ chối đến trường (vấn đề trẻ không thích đến trường, trẻ không thể đến trường hoặc bị bắt nạt ở trường).
- Trao đổi tư vấn về vấn đề phát triển của trẻ (trao đổi những lo lắng về vấn đề phát triển của trẻ).
- Tư vấn về cách nuôi dạy trẻ tại nhà (trao đổi những lo lắng, phiền muộn về cách nuôi dạy trẻ).

■Thời gian tư vấn Từ thứ 2~thứ 6: Từ 9h sáng ~ 17h chiều

Tư vấn

Tư vấn về phát triển của trẻ/Tư vấn việc trẻ từ chối đến trường

☎0796-24-8303

Giáo dục trẻ tại nhà ☎0796-21 - 9003

Trung tâm giáo dục trẻ em (子育てセンター)

• Trung tâm có nơi tổ chức các buổi trao đổi thông tin, giao lưu, tư vấn cho các bà mẹ mang thai.

Mục đích giúp các bậc cha mẹ có thể yên tâm giáo dục trẻ tại trung tâm giáo dục trẻ em có rất nhiều các hoạt động và sự kiện được tổ chức.

- Cung cấp các thông tin về nuôi dưỡng giáo dục trẻ sơ sinh.
- Tư vấn, trao đổi, thảo luận các lo lắng khi nuôi dạy con.
- Tư vấn cách tạo mối quan hệ tốt khi giáo dục trẻ.
- Tổ chức các hoạt động vui chơi giữa cha mẹ và con cái.

	Địa chỉ	Số ĐT
Trung tâm tổng hợp giáo dục trẻ em (子育て総合センター)	Tầng 4 siêu thị Aity Otemachi (アイティ4階) WACCU TOYOOKA	0796-21-9145
Trung tâm giáo dục trẻ em Kinosaki (城崎子育てセンター)	Tầng 2 tòa nhà văn phòng Kinosaki – Kinosaki-cho Momoshima 1057-1 (城崎庁舎 2階)	0796-32-4666
Trung tâm giáo dục trẻ em Takeno (竹野子育てセンター)	Takeno-cho Sudani 1478 Tầng 2 - Trung tâm phúc lợi sức khỏe (竹野 健康 福祉 センター 2階)	0796-47-2030
Trung tâm giáo dục trẻ em Hidaka (日高子育てセンター)	Tầng 3 tòa nhà văn phòng hành chính HidakaHidaka-cho Nyou 920 (日高庁舎 3階)	0796-42-4610
Trung tâm giáo dục trẻ em Izushi (出石子育てセンター)	Tầng 1 tòa nhà văn phòng hành chính Izushi Izushi-cho Uchimachi 1 (出石庁舎 1階)	0796-52-6188
Trung tâm giáo dục trẻ em Tantou (但東子育てセンター)	Tầng 1 trung tâm thị dân thành phố Tanto Tanto-cho Deai 150 (但東市民センター 1階)	0796-21-9079

Tư vấn Phòng Tương lai trẻ em 子育て未来課 ☎0796-21-9118

Trung tâm hỗ trợ gia đình của thành phố Toyooka

〔豊岡市ファミリーサポートセンター（ファミサポ）〕

Trung tâm nhận hỗ trợ những người muốn được tư vấn về các vấn đề nuôi dạy con. Người muốn tham gia sẽ trở thành hội viên của trung tâm.

Trung tâm có thể hỗ trợ các vấn đề sau:

- ① Giữ con cho bạn trong một khoảng thời gian tạm thời
- ② Đưa hoặc đón con của bạn

Hội viên được chia thành 3 loại:

- Hội viên ủy thác: là người muốn nhờ, yêu cầu trung tâm làm giúp việc gì đó.
- Hội viên phó thác: là người thực hiện những yêu cầu mà thành viên ủy thác muốn thực hiện.
- Hội viên ủy thác và phó thác: là người vừa muốn nhận được sự hỗ trợ của trung tâm và vừa có thể hỗ trợ lại trung tâm để giúp đỡ các thành viên khác.

Tất cả mọi người đang sinh sống ở thành phố Toyooka đều có thể trở thành hội viên. Nếu muốn trở thành hội viên thì cần có một số điều kiện nhất định. Để biết rõ thêm thông tin chi tiết xin hãy liên hệ Ban thư ký trung tâm hỗ trợ gia đình theo địa chỉ dưới đây.

Tư vấn Trung tâm hỗ trợ gia đình Toyooka

Toyookashi Ootemachi 4-5/ Tầng 4 trung tâm Aity

☎0796-21-9088

Tư vấn mọi vấn đề về nuôi dạy trẻ

こそだ そうだんまどぐち
(子育てなんでも相談窓口)

Bạn có thể tham khảo ý kiến của nhân viên bảo hiểm về việc nuôi dạy con cái.

- Thời gian tiếp nhận: Thứ Hai đến thứ Sáu từ 10:00 sáng đến 3:00 chiều
- Địa điểm: Toyooka OteMachi 4-5 Tầng 4 Aity- Phòng tư vấn mọi vấn đề liên quan đến nuôi dạy con cái.

Tại Aity có cơ sở hỗ trợ tổng hợp về các vấn đề trong nuôi dạy trẻ. Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ em và Trung tâm hỗ trợ gia đình Toyooka cũng nằm trên tầng 4 của Aity.

Thông tin tư vấn

Phòng Tương lai trẻ em (こども未来課)

☎0796-24-9604

Trường học và các địa điểm trông giữ trẻ

(^こ子どもの^{ほいくしょ}保育所・^{がっこう}学校)

Trường mẫu giáo (^{ようちえん}幼稚園)

Trường mẫu giáo là cơ sở giáo dục dành cho trẻ em trước độ tuổi vào học tiểu học. Tùy theo nơi sinh sống mà trẻ sẽ đến trường mẫu giáo nào trong khu vực theo học.

■Đối tượng

Trẻ em (4 hoặc 5 tuổi) độ tuổi trước khi vào tiểu học đang sinh sống trong thành phố.

Nhà trẻ . Địa điểm có thể gửi trẻ (^{ほいくえん}保育園)

Là nơi bạn có thể gửi trẻ trong trường hợp không thể chăm sóc trẻ tại nhà vì các lý do như gia đình bận công việc, có người bệnh cần chăm sóc...

■Đối tượng: Trẻ em trước tuổi vào tiểu học

▪Cả trẻ và người bảo hộ đều đang sinh sống trong thành phố.

▪Đáp ứng điều kiện cả hai phía cha và mẹ đều bận công việc, lý do bệnh tật, sinh sản hay chăm sóc người bệnh...nên không thể chăm sóc trẻ tại nhà được.

Nhà trẻ được chứng nhận (^{にんてい}認定^{えん}こども園)

Các nhà trẻ được chứng nhận là các cơ sở giáo dục trông giữ trẻ em ở độ tuổi trước khi bước vào bậc tiểu học là các trường mẫu giáo có cả chức năng vừa chăm sóc trông giữ và vừa giáo dục cho trẻ.

■Đối tượng

Trẻ em chưa vào tiểu học.

- Trường hợp gửi nhà trẻ có chức năng giáo dục (教育の場合): Dành cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi chưa vào tiểu học đang sinh sống trong thành phố
- Trường hợp gửi nhà trẻ (保育の場合- chỉ trông nom, chăm sóc) : Dành cho tất cả trẻ em chưa vào tiểu học đang sinh sống trong thành phố nhưng cả bố mẹ hay gia đình đều bận công việc, bị bệnh, sinh nở hay phải chăm sóc người bệnh nên không có đủ điều kiện để chăm sóc trẻ tại nhà.

- ※ Tiền phải chi trả (Tiền học, Tiền ăn tại trường): Tiền học phí được tính dựa theo tiền thuế thu nhập thị dân của bố hoặc mẹ.
- ※ Mọi thủ tục xin liên hệ Phòng giáo dục trẻ em.

Tư vấn Phòng Giáo dục trẻ em

ようじいくせいか
(幼児育成課) ☎0796-22-4452

Trường tiểu học. Trường trung học (小学校・中学校)

Trường tiểu học bắt đầu nhập học lúc trẻ 6 tuổi và tốt nghiệp khi trẻ 12 tuổi. Trường trung học nhập học từ lúc trẻ 12 tuổi và tốt nghiệp khi trẻ 15 tuổi. Cũng có những trường 'giáo dục bắt buộc' kết hợp cả bậc tiểu học và trung học cơ sở. Đối với những người có quốc tịch nước ngoài nếu muốn cho con nhập học tiểu học xin hãy liên hệ tại văn Phòng Giáo dục học đường. Tùy theo nơi bạn đang sinh sống sẽ quyết định trẻ học trường nào trong thành phố.

■Chi phí (費用)

Công lập	• Phí nhập học, học phí, sách giáo khoa: Miễn phí • Sách tham khảo, dụng cụ học tập, tiền ăn, phí thăm quan ngoại khóa, đồng phục...: Tự chi trả
Tư thực	Các phí nhập học, học phí....: Tự chi trả

Số ĐT tư vấn

Phòng giáo dục học đường (学校教育課)

☎0796-23-1451

Chế độ hỗ trợ học tập (就学援助制度)

Là chế độ hỗ trợ một phần chi phí cho những người gặp khó khăn trong việc chi trả các khoản học phí, dụng cụ học tập sử dụng tại trường, tiền ăn tại trường..vv...khi cho con đi học tiểu học, trung học công lập. Tuy nhiên, tùy theo thu nhập sẽ có mức giới hạn. Mọi thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ tại Phòng giáo dục học đường.

Câu lạc bộ thiếu nhi sau giờ học (放課後児童クラブ)

Câu lạc bộ thiếu nhi sau giờ học mục đích nhằm trông nom trẻ em vào khoảng thời gian muộn sau giờ học khi bố mẹ (người giám hộ) không có nhà do công việc hoặc lý do khác. (Theo quy định từ năm 2012 thì trẻ em đang học mẫu giáo năm thứ 2 đã 4 tuổi đang học tại các trường mẫu giáo, các nhà trẻ được công nhận sẽ không được sử dụng dịch vụ này).

■Ngày mở cửa. Thời gian (開設日・時間(クラブが開いている日、時間))

Thứ	Thời gian
Từ thứ 2 đến thứ 7 (Thứ 7 dành cho người đăng ký riêng)	Sau khi kết thúc giờ học tại trường tiểu học ~6h30' chiều Trẻ mẫu giáo: đến 4h chiều Thứ 7 và ngày nghỉ của trường: 8h sáng~6h30' chiều

■Chi phí (Tiền trong một tháng) (費用(月にかかるお金))

Phân loại	Học sinh tiểu học	Trẻ mẫu giáo
Tháng 4 ~ Tháng 6 Tháng 9 ~ Tháng 3	7.000 yên (円)	0 yên (円)
Tháng 7	8.000 yên (円)	0 yên (円)
Tháng 8	10.000 yên (円)	0 yên (円)
Thứ 7	1.000 yên (円)	0 yên (円)

※ Ngoài ra, có phát sinh thêm phí bữa ăn phụ và (các phí khác bao gồm cả tài liệu học tập) (mức phí khoảng 1.800 yên/tháng).

※ Phí bữa ăn phụ vào ngày thứ 7 thì được tính phí riêng (trả riêng).

Mọi thủ tục chi tiết xin hãy liên lạc tại **Phòng giáo dục trẻ em** hoặc Các phòng xúc tiến phát triển trong khu vực.

Số ĐT tư vấn

Phòng giáo dục trẻ em (幼児育成課)

☎0796-29-0053

Bị bệnh. Bị thương (病^{びょう}気^き・けが)

Đi viện (病^{びょう}院^{いん}に行く^い)

Trong trường hợp bị ốm, đầu tiên hãy đến thăm khám tại các bệnh viện tư nhân hay các phòng khám nhỏ. Sau đó nếu cần thiết sẽ điều trị tại các bệnh viện chuyên môn lớn.

Thường sẽ nghỉ vào: Chiều thứ Tư và chiều thứ Bảy, chủ nhật, ngày lễ



■Phòng khám/Phòng khám cá nhân

Thời gian khám: Sáng 9h đến trưa. Chiều từ 4h đến 6h

Danh sách các cơ sở y tế của thành phố Toyooka
(Bệnh viện Toyooka có viết)

■Các phòng khám thành phố (市立診療^{しりつしんりょうしよ}所)

Hãy gọi điện xác nhận thời gian mở khám bệnh trước khi đến khám.

Tên phòng khám	Địa điểm	Số điện thoại	Ngày nghỉ
Phòng khám Morimoto	Takeno-cho Morimoto 513-1	0796-48-0001	Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ lễ cuối và đầu năm.
Phòng khám Kannabe	Hidaka-cho Kurisuno 60-34	0796-45-0003	
Phòng khám chính bảo hiểm quốc dân	Tantou-cho Nakayama 788	0796-56-0303	
Phòng khám Takahashi	Tantou-cho Kubata 126	0796-55-0036	
Phòng khám chuyên khoa răng Tantou	Tantou-cho Deai 150	0796-20-8225	T2 đến T4 Từ T6 đến CN (Chỉ khám vào T5)

Phòng khám cấp cứu vào ngày nghỉ (休日急病診療所)^{きゅうじつきゅうびょうしんりょうしよ}

Sử dụng trong trường hợp bị bệnh đột ngột vào các ngày chủ nhật hay các ngày nghỉ.

Tên phòng khám	Địa điểm	Số ĐT	Ngày khám
Phòng khám khẩn cấp ngày nghỉ ^{きゅうじつきゅうびょうしんりょうしよ} (休日急病診療所)	Tachino-cho 12-12	0796-23-9219	Chủ nhật, ngày nghỉ Ngày nghỉ 31/12 ~ 3/1

■Phòng khám tư nhân (個人医院・クリニック)^{こじんいいん くり に っ く}

Các phòng khám tư nhân thường mở cửa vào khoảng thời gian: buổi sáng từ 9 giờ đến trưa, buổi chiều từ 4 giờ đến 6 giờ. Nghỉ khám vào các buổi chiều thứ 4 và thứ 7, chủ Nhật và ngày nghỉ lễ.

■Bệnh viện lớn (大きな病院)^{おお びょういん}

Trong thành phố Toyooka có 3 bệnh viện lớn. Thời gian nhận giấy khám, thời gian khám, xin hãy xác nhận khi tới khám tại bệnh viện.

※ Trung tâm cấp cứu thuộc bệnh viện Toyooka không có ngày nghỉ khám.

Tên bệnh viện	Địa chỉ	Số ĐT	Ngày nghỉ
Bệnh viện Toyooka ^{とよおかびょういん} (豊岡病院)	Tobera 1094	0796-22-6111	Thứ 7, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, (nghỉ tết)
Phòng khám Hidaka ^{ひだか くり に っ く} (日高クリニック)	Hidaka-cho Iwanaka 81	0796-42-1611	
Trung tâm y tế Izushi ^{いずしいりょうせんたー} (出石医療センター)	Izushi-cho Hukusumi 1300	0796-52-2555	

■ Tư vấn qua điện thoại về bệnh đột ngột hoặc thương tích

Khi bạn phân vân có nên gọi xe cấp cứu hay không, hoặc không biết nên đến bệnh viện nào, bạn có thể hỏi tư vấn bất cứ lúc nào. Chính xác là trong trường hợp khẩn cấp, hãy gọi ngay 119 mà không cần do dự.

Hãy đặt câu hỏi:

- Có nên gọi xe cấp cứu với triệu chứng như thế này không?
- Mặc dù cảm thấy không khỏe, nhưng có nên đi bệnh viện ngay không?

Số điện thoại	Thời gian hoạt động	Ngôn ngữ
#7119 hoặc 078-331-7119	24 giờ trong ngày và cả năm 365 ngày	Đối ứng nhiều ngôn ngữ

■ Số điện thoại liên lạc khi cấp cứu trẻ em しょうにきゅうきゅう 〔小児救急 (こどもの救急) の でんわそうだん 電話相談〕

Qua địa chỉ và số điện thoại dưới đây bạn có thể gọi điện trao đổi với bác sỹ, y tá khoa nhi các vấn đề sau:

- Nên làm như thế nào khi trẻ bị bệnh đột ngột vào ngày nghỉ hay ban đêm?
- Có nên đi bệnh viện hay không?

Địa điểm	Số điện thoại	Thời gian mở cửa
Vùng Tajima	0796-22-9988	Hàng ngày: buổi chiều từ 7 giờ đến 10 giờ
Tỉnh Hyogo	# 8000 hoặc 078-304-8899	Ngày nghỉ, thứ 7: Từ 6h chiều đến 8h sáng ngày hôm sau. Chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ tết: Từ 8h sáng đến 8h sáng ngày hôm sau.

Tư vấn: Phòng nâng cao sức khỏe けんこう (健康増進課) ☎0796-24-1127

Chế độ bảo hiểm y tế (医療保険制度^{いりょうほけんせいど})

Đối với những người đang sinh sống tại Nhật Bản thì bất kể ai cũng phải tham gia bảo hiểm y tế công cộng. Bảo hiểm y tế của Nhật Bản gồm hai loại: Bảo hiểm sức khỏe và Bảo hiểm sức khỏe quốc dân.

Khi đi bệnh viện, hãy mang theo giấy tờ sau :

- Thẻ bảo hiểm y tế các nhân
- Giấy xác nhận tư cách

Nếu không mang theo một trong các loại giấy tờ trên hoặc chưa tham gia bảo hiểm y tế, bạn sẽ phải tự chi trả toàn bộ chi phí y tế. Hãy mang theo thẻ cư trú, giấy chứng nhận thường trú đặc biệt, hộ chiếu, v.v. khi đi khám.

Bảo hiểm sức khỏe <健康保険^{けんこうほけん}>

Đối tượng tham gia	Người làm việc cho các công ty, xí nghiệp và gia đình người đó.
Thủ tục	Làm thủ tục và hỏi thông tin chi tiết tại nơi mình làm việc.
Tiền bảo hiểm	Tiền bảo hiểm sẽ được tính theo mức lương và trừ vào lương.

Bảo hiểm sức khỏe quốc dân <国民健康保険^{こくみんけんこうほけん}>

Đối tượng tham gia	Người không thể tham gia bảo hiểm tại công ty, xí nghiệp nơi làm việc
Thủ tục	Làm thủ tục tại văn phòng hành chính hoặc tại Cục xúc tiến phát triển của quận, thành phố.
Tiền bảo hiểm	Tiền bảo hiểm hàng năm được quyết định dựa vào thu nhập, số nhân khẩu (số người trong gia đình). Tiền bảo hiểm thanh toán tại các cơ quan tài chính tiền tệ như ngân hàng, bưu điện, cửa hàng Combini...

■Số tiền y tế phải chi trả khi tham gia bảo hiểm (保険に加入した時の医療費の負担額)
ほけん かにゆう とき いりようひ
ふたんがく

Đối tượng	Phần % viện phí chi trả
Từ 0 tuổi đến trước khi vào tiểu học	20%
Từ học sinh tiểu học đến 69 tuổi	30%
Lớn hơn 70 tuổi	20%、30% (Tùy theo điều kiện khác nhau)

※ Nếu bạn có giấy chứng nhận hưởng trợ cấp chi phí y tế cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ em, số tiền bạn phải chi trả sẽ theo mức quy định của giấy chứng nhận đó.
 (Vui lòng xem trang 20.)

■Hoàn trả viện phí (療養費の払戻し)
りようようひ はらいもど

Nếu bạn đi bệnh viện mà không mang theo Thẻ bảo hiểm cá nhân hoặc giấy xác nhận tư cách thì bạn sẽ phải tự thanh toán toàn bộ chi phí y tế. Tuy nhiên, nếu sau đó bạn mang theo các giấy tờ cần thiết và đến đăng ký bổ sung thì số tiền bảo hiểm chi trả sẽ được hoàn lại.

Nơi đăng ký (申請するところ)
しんせい

Bảo hiểm sức khỏe	Tất cả các chi nhánh quận, huyện, thành phố của hiệp hội bảo hiểm sức khỏe toàn quốc hay Hiệp hội bảo hiểm sức khỏe.
Bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Tại văn phòng hành chính thành phố hoặc các Cục xúc tiến phát triển.

■Khác (その他)
ほか

Trong các trường hợp dưới đây, hãy làm thủ tục tại văn phòng hành chính:

- Về nước • Chuyển chỗ • Tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc
- Thay đổi địa chỉ hoặc thay đổi chủ hộ.

Tư vấn

Phòng bảo hiểm quốc dân/ Phòng hưu trí

(国保・年金課) ☎0796-21-9061

Tiền thuế. Lương hưu (税金・年金)

Tiền thuế (税金)

Bất cứ ai đang sinh sống tại Nhật Bản, dù mang quốc tịch nước ngoài thì đều phải có trách nhiệm nộp thuế.

■Thuế thu nhập (Thuế quốc gia) (所得税(国税))

Thuế thu nhập là tiền thuế được áp dụng với mức thu nhập trong 1 năm. Người có thu nhập chỉ có lương thì tiền thuế sẽ được trừ từ tiền lương hàng tháng. Cuối năm công ty sẽ tính toán số tiền thuế.

Người có thêm thu nhập khác ngoài lương thì tự mình làm thủ tục khai báo vào bảng khai thuế và nộp tiền thuế tại chi cục thuế.

■Thuế cư trú (Thuế tỉnh . Thuế thành phố) (住民税(県民税・市民税))

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1, những người có địa chỉ sinh sống trong thành phố Toyooka sẽ tính tiền thuế cư trú gộp giữa thuế thành phố và thuế tỉnh thành một loại và tính theo mức tiền lương thu nhập của năm trước.

Cách thức nộp thuế

Thu đặc biệt	Nhân viên công ty: tiền thuế phải nộp được trừ vào tiền lương hàng tháng.
Thu thông thường	Cửa hàng tư nhân, doanh nghiệp tư nhân, người làm nông nghiệp thì hãy làm thủ tục khai thuế tại văn phòng hành chính thành phố, sau đó phiếu thanh toán sẽ được gửi về địa chỉ nhà. Sau khi nhận phiếu thanh toán thì hãy mang theo để thanh toán tại ngân hàng, bưu điện, các cửa hàng Combini. Bạn có thể tải app ứng dụng về điện thoại rồi chuyển khoản qua ngân hàng.

※Khi về nước (rời Nhật Bản) Hãy quyết định một người quản lý thuế (người nộp thuế thay cho bạn) và thông báo cho văn phòng hành chính thành phố.

■Thuế xe ô tô (phân loại). Thuế xe cơ giới nhẹ (phân loại)

じどうしゃぜい しゅべつわり けいじどうしゃぜい
〔自動車税(種別割)・軽自動車税(種別割)〕

Thuế xe ô tô (Thuế tỉnh)	Được áp dụng cho những người sở hữu ô tô
Thuế xe cơ giới nhẹ (Thuế thành phố)	Áp dụng với những người sở hữu các loại xe đạp có gắn động cơ, xe ô tô nhỏ, xe cơ giới nhẹ, xe động cơ hai bánh nhỏ

- ※ Những người có ô tô sẽ nhận được giấy thông báo nộp thuế. Hãy cầm theo thông báo này đến nộp thuế tại ngân hàng, bưu điện hay các cửa hàng Combini. Ngoài ra bạn có thể tải App ứng dụng về điện thoại và thanh toán bằng cách chuyển khoản ngân hàng.
- ※ Tiền thuế xe ô tô (phân loại) và các xe cơ giới nhẹ (phân loại) được áp dụng cho người sở hữu xe từ ngày 1 tháng 4 của năm hiện tại. Trong trường hợp chuyển nhượng xe hay xử lý bỏ xe thì nhất định phải làm thủ tục thay đổi chủ xe hoặc bỏ xe.

■ Thuế tài sản cố định こていしさんぜい (固定資産税)

Hàng năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 1, đối với những người có tài sản cố định trong thành phố Toyoka như đất đai, nhà cửa, tài sản khấu hao (tài sản dùng để kinh doanh) sẽ phải nộp thuế tài sản cố định. Đặc biệt với những người có tài sản khấu hao thì bắt buộc từ ngày 1 tháng 1 đến trước ngày 31 tháng 1 phải khai báo tình trạng tài sản khấu hao.

ĐT tư vấn

Phòng thuế vụ ぜいむか (税務課) ☎0796-21-9045

Tiền lương hưu (年金)

Tiền hưu là chế độ bảo hiểm xã hội nhằm trợ cấp chi trả cho những người đóng bảo hiểm khi về già, khi bị thương tật (do bị thương, do bệnh tật...).

Lương hưu công của Nhật Bản gồm có "Lương hưu quốc dân" và "Bảo hiểm hưu trí phúc lợi".

■Lương hưu quốc dân (国民年金)

Kể cả người nước ngoài, tất cả mọi người đều có thể tham gia.

Đối tượng tham gia (加入対象者)

Tất cả mọi người từ 20 đến 59 tuổi đang sinh sống tại Nhật bản bao gồm cả người nước ngoài.

Thủ tục tham gia (加入手続き)

Thủ tục đăng ký Bảo hiểm hưu trí quốc dân được thực hiện tại Phòng Bảo hiểm Quốc dân và Hưu trí của tòa thị chính.

Những người đang đi làm sẽ tham gia Bảo hiểm hưu trí phúc lợi tại nơi làm việc. Những người tham gia Bảo hiểm hưu trí phúc lợi không cần làm thủ tục. Tuy nhiên, nếu bạn chưa chính thức tham gia bảo hiểm hưu trí phúc lợi tại công ty (ví dụ: trong thời gian thử việc hoặc chưa đủ điều kiện), bạn bắt buộc phải tham gia Bảo hiểm hưu trí quốc dân cho đến khi được đăng ký vào Bảo hiểm hưu trí phúc lợi.

Mức tiền bảo hiểm (保険料)

Mức tiền bảo hiểm của mọi người là như nhau. Hãy mang thông báo nộp tiền bảo hiểm nhận được từ cơ quan bảo hiểm hưu trí Nhật Bản đến các cơ quan tài chính tiền tệ như ngân hàng, bưu điện hoặc combini để nộp. Trường hợp những người có thu nhập quá thấp, khó khăn khi nộp thuế thì nếu làm thủ tục có thể được miễn trừ. Mọi thông tin cụ thể xin hãy hỏi tại văn phòng Hưu trí hay phòng bảo hiểm quốc dân.

■Bảo hiểm hưu trí phúc lợi (厚生年金保険)

Bảo hiểm hưu trí phúc lợi là bảo hiểm dành cho những người làm việc tại các công ty. Tiền bảo hiểm lương hưu quốc dân sẽ được chi trả riêng.

Đối tượng tham gia (加入対象者^{かにゅうたいしょうしゃ})

Người dưới 69 tuổi, bao gồm cả người nước ngoài, làm việc tại doanh nghiệp có từ 5 người lao động trở lên.

Thủ tục tham gia (加入手続き^{かにゅうてつづ})

Thủ tục đăng ký tham gia bảo hiểm thực hiện tại văn phòng nơi làm việc.

Tiền bảo hiểm (保険料^{ほけんりょう})

Tiền bảo hiểm sẽ được công ty nộp một nửa và người lao động nộp một nửa. Số tiền bảo hiểm tùy thuộc vào mức lương. Thông tin cụ thể xin vui lòng liên hệ tại văn phòng công ty hoặc tại Phòng Hưu trí và Pho Bảo hiểm Y tế Quốc gia

■ Thanh toán trả tiền một lần (Khi về nước) (脱退一時金^{だつたいいちじきん} (帰国する時^{きこくするとき}))

Tiền lương hưu quốc dân và tiền bảo hiểm hưu trí phúc lợi có chế độ thanh toán trả tiền một lần. Người nước ngoài nếu tham gia bảo hiểm trên 6 tháng khi về nước trong vòng 2 năm nếu nộp đơn làm thủ tục xin thanh toán có thể được thanh toán một lần hết số tiền bảo hiểm.

ĐT tư vấn

Phòng bảo hiểm quốc dân/ Phòng hưu trí (国保・年金課)

☎0796-21-9061

Cơ quan hưu trí quốc dân Văn phòng hưu trí Toyooka

(日本年金機構^{にっぽんねんきんきこう} 豊岡年金事務所^{とよおかねんきんじむしょ}) ☎0796-22-0948

Hỏa hoạn. Sự cố. Tai nạn (火事・事件・事故)

Nội dung	Số ĐT	Thông tin truyền đạt
Hỏa hoạn かじ (火事)	119 Cục phòng cháy chữa cháy	Hỏa hoạn. Địa điểm. Tên. Số điện thoại
Cấp cứu きゅうきゅうしゃ (救急車)	119 Cục phòng cháy chữa cháy	Sự cố gì. Bệnh gì. Địa điểm. Tên. Số điện thoại
Tai nạn じこ (事故) Trộm cắp はんざい (犯罪)	110 Cục cảnh sát	Tai nạn gì. Sự việc gì. Địa điểm. Tên. Số điện thoại.

※Số 911 có thể sử dụng bằng tiếng nước ngoài

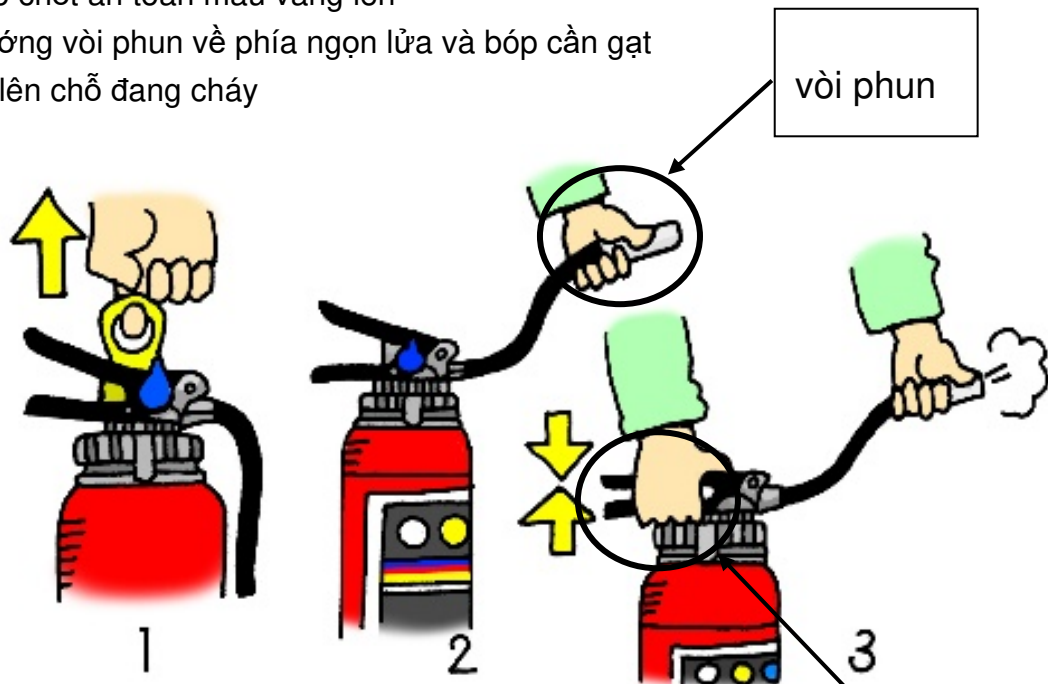
※Lưu ý: Trong trường hợp khẩn cấp khi dùng điện thoại công cộng không cần phải có tiền hoặc thẻ điện thoại. Nhắc ống nghe lên và ấn nút **Thông báo khẩn cấp** điện thoại sẽ tự động gọi đến 119 hoặc 110.

Khi xảy ra hỏa hoạn (火事が起きたとき)

Sử dụng bình cứu hỏa

Cách sử dụng bình cứu hỏa (Hãy xem hình bên dưới)

- ① Kéo chốt an toàn màu vàng lên
- ② Hướng vòi phun về phía ngọn lửa và bóp cần gạt
- ③ Xịt lên chỗ đang cháy



Thoát ra

Che miệng và mũi bằng khăn và thoát ra ở tư thế thấp



Phòng chống thiên tai (防災^{ぼうさい})

Tại Nhật Bản các thiên tai như động đất, bão..xảy ra tương đối nhiều. Đôi khi có cả thiên tai sóng thần xảy ra. Để bảo vệ bản thân trước thiên tai thì ngay trong cuộc sống bình thường chúng ta phải chú ý chuẩn bị trước.

Động đất

Khi động đất xảy ra, rất nhiều đồ đạc, vật dụng trong gia đình sẽ rơi, đổ vỡ ập xuống mặt sàn gây ra cái chết cho rất nhiều người. Chính vì vậy để bảo vệ tính mạng bản thân và người trong gia đình xin hãy làm theo hướng dẫn dưới đây:

- Cố định đồ đạc, cố gắng sao cho không bị đổ, di chuyển
- Không nên để đồ đạc, vật dụng quá to trong phòng ngủ
- Không đặt đồ đạc, vật dụng gần cửa, cầu thang, hành lang làm vướng lối đi

Khi động đất xảy ra, để đảm bảo an toàn cho chính mình, xin hãy làm theo hướng dẫn sau:

- Hãy núp xuống gầm ghế hay gầm bàn
- Che bảo vệ đầu bằng gối hay miếng xóp
- Giá, kệ, tủ có thể sẽ bị đổ vì vậy hãy tránh xa

Sóng thần

Những người đang sinh sống gần biển thì hãy chú ý nguy cơ xảy ra sóng thần. Khi có rung chuyển mạnh hoặc rung chuyển yếu nhưng kéo dài liên tục thì hãy chạy thoát hiểm đến nơi cao an toàn.

Khi thông tin cảnh báo sóng thần được phát ra thì từ địa điểm an toàn bạn không được di chuyển đi nơi khác.

Thông tin cụ thể hãy xem ở sổ tay hướng dẫn sau:

Sổ tay về phòng chống thiên tai



**Sổ tay Phòng chống thiên tai của
cha mẹ và con cái HIA**



Thông tin thoát hiểm (避難情報)

Thông tin sơ tán thoát hiểm sẽ được phát đi từ thành phố Toyooka khi có nguy cơ xảy ra mưa lớn, bão, lở đất, v.v. hoặc khi thảm họa bắt đầu xảy ra. Bạn cũng có thể nắm thông tin qua kênh vô tuyến Phòng chống thiên tai hoặc từ các app ứng dụng Phòng chống thiên tai Hyogo trên điện thoại.

Thông tin thoát hiểm/sơ tán: Số mức độ càng lớn thì càng nguy hiểm.

Mức độ 5	Bảo đảm an toàn khẩn cấp	Thông báo được phát ra khi nếu bây giờ đi đến địa điểm sơ tán sẽ rất nguy hiểm hay hiện tại thiên tai đang xảy ra. Những người đang sống ở nơi gặp nguy hiểm tính mạng đang bị đe dọa. Phải hành động để bảo vệ tính mạng. Người đang ở tầng 1 hãy sơ tán lên tầng 2 cao hơn.
Mức độ 4	Chỉ thị sơ tán	Thông báo phát ra khi nước sông tràn lên hay khi núi sạt lở. Ở mức độ này, mọi người sơ tán đến nơi an toàn.
Mức độ 3	Sơ tán người cao tuổi	Chuẩn bị sơ tán. Hãy xem tin tức trên tivi hay nghe đài để xác nhận thực tế đang diễn ra hiện tại như thế nào. Bắt đầu sơ tán cho những đối tượng khi sơ tán cần nhiều thời gian hơn như: người già, người khuyết tật. Cũng bắt đầu sơ tán những người không hiểu hoặc không thông thạo tiếng Nhật.

※Trước khi đạt đến cấp độ 5 thì bạn phải sơ tán đến nơi an toàn.

*Mạng lưới phòng chống thiên tai Hyogo



Bản đồ phòng chống thiên tai (防災マップ)

Bản đồ phòng chống thiên tai dùng để xem và xác nhận bản thân có đang ở trong khu vực an toàn hay không. Bạn có thể xem thông tin tại trang chủ website của thành phố hoặc trang WEB bản đồ phòng chống thiên tai. Hoặc có thể nhận thông tin tại Phòng quản lý nguy cơ thiên tai của khu vực.

Web Bản đồ phòng chống thiên tai

Trang chủ của thành phố Toyooka



Tiếng nhật dùng trong trường hợp khẩn cấp

〔緊急時(困ったとき)の日本語〕

TIẾNG VIỆT NAM	TIẾNG NHẬT	
CỨU	たすけて	TASUKETE
CƯỚP/ TRỘM	どろぼう	DOROBOU
CẢNH SÁT	けいさつ	KEISATSU
CHÁY	かじ	KAJI
CẤP CỨU	きゅうきゅうしゃ	KYUUKYUUSYA
BỆNH VIỆN	びょういん	BYOUIN
GẤP	いそいで	ISOIDE
DỪNG LẠI	やめて	YAMETE
ĐAU	いたい	ITAI
BẠO LỰC	ぼうりょく	BOURYOKU
BỊ THƯƠNG	けが	KEGA
TAI NẠN	じこ	JIKO
ÓM/BỆNH	びょうき	BYOUKI
TÊN TÔI LÀ ○○○.	わたしのなまえは○○です	WATASHINO NAMAE WA ○○○ DESU
ĐỊA ĐIỂM LÀ ○○○.	ばしょは ○○○です	BASHO WA ○○ DESU
SỐ ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI LÀ○○○.	でんわばんごうは ○○○です	DENWABANGOU WA ○○○ DESU
TÔI KHÔNG THỂ NÓI TIẾNG NHẬT.	にほんごは はなせません	NIHONGO WA HANASEMASEN

Địa điểm tư vấn (相談^{そうだん}をするところ)

Hoạt động tư vấn dành cho người nước ngoài (外国人生活相談^{がいこくじんせいかつそうだん})

Khi có khó khăn hãy trao đổi cùng chúng tôi.

Chúng tôi có nhân viên tư vấn tiếng Anh và tiếng Philippin. Đối với những ngôn ngữ khác chúng tôi có máy hỗ trợ dịch để nghe trao đổi thông tin.

Tầng 2 Văn phòng hành chính thành phố Toyooka – Phòng thúc tiến phát triển đa văn hoá – Phòng đối sách khoảng cách thời đại - Quầy trao đổi thông tin người nước ngoài

Số điện thoại: 0796-23-0341 Email: advisory-service@city.toyooka.lg.jp

Cục xúc tiến phát triển các khu vực và văn phòng hành chính thành phố

(市役所と地域の振興局^{しやくしょ ちいき しんこうきょく})

Tên	Địa chỉ	Số ĐT
Văn phòng hành chính Toyooka(豊岡市役所 ^{とよおかしやくしょ})	Chuomachi 2-4	0796-23-1111
Cục xúc tiến phát triển Kinosaki(城崎振興局 ^{きのさきしんこうきょく})	Kinosaki-cho Momoshima 1057-1	0796-32-0001
Cục xúc tiến phát triển Takano(竹野振興局 ^{たけのしんこうきょく})	Takeno-cho Takeno 1585-1	0796-47-1111
Cục xúc tiến phát triển Hidaka(日高振興局 ^{ひだかしんこうきょく})	Hidaka-cho Nyou 920	0796-42-1111
Cục xúc tiến phát triển Izushi (出石振興局 ^{いずししんこうきょく})	Izushi-cho Uchimachi 1	0796-52-3111
Cục xúc tiến phát triển Tantou(但東振興局 ^{たんとうしんこうきょく})	Tanto-cho Deai 150	0796-54-1000

けいさつ

Cảnh sát (警察)

Tên	Vùng sở tại	Số điện thoại
Sở cảnh sát khu vực phía Toyooka(豊岡警察署) とよおかけいさつしょ	Shouwa-cho 7-5	0796-24-0110

Các cơ quan tư vấn khác ngoài nội tỉnh Hyogo

ひょうごけんない た そろだんき かん
(兵庫県内のその他の相談機関)

Tên	Nội dung tư vấn	Số điện thoại	Ngôn ngữ hỗ trợ
Trung tâm thông tin thị dân người nước ngoài Hiệp hội giao lưu quốc tế tỉnh Hyogo (HIA). ひょうごけんこくさいこうりゅうきょうかい 〔兵庫県国際交流協会 がいがくじんけんみん 外国人県民 いんぷおめーしょん インフォメーション せんたー センター (HIA) 〕	Cuộc sống Pháp luật	078-382-2052	Tiếng Anh, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.
Hệ thống cứu trợ người nước ngoài Kobe(NGO). こうべがいがくじんきゅうえん (NGO神戸外国人救 ねっと ネット)	Cuộc sống	078-232-1290	Tiếng Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Trung Quốc, Tagalog, Việt Nam, Nga

Trung tâm cộng đồng quốc tế Kobe (KICC). 〔神戸国際コミュニケーションセンター (KICC)〕	Nhập cảnh, xuất cảnh, lưu trú, cuộc sống.	078-291-8441	Tiếng Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc, Triều Tiên, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Việt Nam, Philippin, Nepal, Thái Lan, Indonesia
Thông tin tổng hợp về lưu trú của người nước ngoài (外国人在留総合インフォメーションセンター)	Xuất nhập cảnh Lưu trú	0570-013904	Tiếng Anh, Tây Ban Nha, Trung Quốc, Bồ Đào Nha... khoảng 17 ngôn ngữ
Trung tâm thông tin y tế quốc tế AMDA thuộc tổ chức NPO Văn phòng Osaka (NPO法人AMDA国際医療情報センター 大阪オフィス)	Y tế (Bị bệnh, bị thương...)	03-6233-9266	Tiếng Anh, Tây Ban Nha, Trung Quốc, Bồ Đào Nha, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippin, Việt Nam
Tư vấn về nhân quyền dành cho người nước ngoài- văn phòng pháp chế khu vực Kobe (神戸地方法務局 外国人 인권相談)	Nhân quyền	078-392-1821	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Hàn Quốc, Philippin, Bồ Đào Nha, Việt Nam, Nepal, Tây Ban Nha, Indonesia, Thái Lan

Lớp học tiếng Nhật (日本語教室)

Trong thành phố Toyooka có tổ chức lớp học tiếng Nhật.

Mọi thông tin về thời gian học, các lớp, học phí.vv... như thế nào xin hãy liên hệ từng lớp để biết cụ thể.

Tên	Địa chỉ	Số điện thoại
Hiệp hội giao lưu quốc tế thành phố Toyooka とよおしかくさいこうりゅうきょうかい (豊岡市国際交流協会)	Tầng 3 Trung tâm phúc lợi sức khỏe thành phố Toyooka Toyookashi Jounan-cho 23-6 とよおしかけんこうふくし (豊岡市健康福祉センター3階) 〒668-0045	0796-24-5931
Lớp học tiếng Nhật AIUEO Toyooka NPO とよおしかほうじん (NPO法人にほんご とよおか 豊岡あいうえお)	Thành phố toyooka thị trấn kahirōcho 5-13 とよおしかひろちょう (豊岡市加広町 5 - 1 3) 〒668-0023	0796-20-4037

Các buổi xã luận giao lưu trao đổi văn hóa (多文化交流サロン)

Tham gia vào hoạt động trên bạn có thể học và tìm hiểu thông tin về thiên tai, về những điều cần thiết, quan trọng trong cuộc sống tại Nhật. Ngoài ra bạn có thể biết thêm về văn hoá, lễ hội cũng như các sự kiện độc đáo của Nhật Bản.

Hiệp hội giao lưu quốc tế thành phố Toyooka và Lớp học tiếng Nhật AIUEO Toyooka đang tổ chức các hoạt động này. Thông tin cụ thể xin vui lòng tham khảo trang web và trang facebook dưới đây:



TIA
とよおしかくさいこうりゅうきょうかい
豊岡市国際交流協会
Facebook



あいうえお Facebook

Nếu gặp vấn đề không hiểu hãy liên hệ với chúng tôi!

Văn phòng hành chính Toyooka – **Phòng thúc tiến phát triển đa văn hoá –
Phòng đối sách khoảng cách thời đại** – Quầy tư vấn trao đổi dành cho
người nước ngoài tại Toyooka

〒668-8666 Toyookashi Chuomachi 2-4 (とよookashiちゅうおうまち 豊岡市中央町2-4)

TEL 0796-23-0341

FAX 0796-24-8114

E-mail advisory-service@city.toyooka.lg.jp

2026 年 4 月版